

# NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG THỦY LỢI

Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Quốc Chính, Phạm Thị Phương Thảo  
Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

**Tóm tắt:** Trên cơ sở kết quả khảo sát tại 13 hệ thống thủy lợi (HTTL) đại diện cho các vùng Bắc, Trung, Nam, nội dung bài viết đánh giá về hiện trạng quản lý môi trường nước (QLMTN) trong HTTL bao gồm từ năng lực quản lý, nguồn tài chính, các văn bản quản lý, các hoạt động triển khai như công tác giám sát, dự báo chất lượng nước, vận hành tưới tiêu để giảm thiểu ô nhiễm nước, cải tạo, xây mới các công trình tưới, tiêu để cải thiện dòng chảy môi trường, quản lý nguồn thải, cấp phép xả nước thải vào HTTL. Những tồn tại trong công tác QLMTN trong HTTL là nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm nước như hiện nay và xu hướng sẽ ngày càng gia tăng. Để quản lý môi trường nước trong HTTL đòi hỏi phải có sự tham gia của cả hệ thống chính trị và ngành Nông nghiệp và PTNT cần phải coi đây là nhiệm vụ ưu tiên bởi tình trạng ô nhiễm nước không được giải quyết sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, ảnh hưởng đến dân sinh và các ngành kinh tế.

**Từ khóa:** Quản lý, Môi trường nước, hệ thống thủy lợi

**Summary:** Based on the survey results in 13 irrigation systems representing the Northern, Central and Southern regions, the article shows evaluation of the status of water environment management (WEM) in the irrigation system, including: management capacity, financial resources, management documents, implementation activities such as monitoring and forecasting of water quality and irrigation operation to reduce water pollution, renovating and constructing new irrigation drainage works to improve environmental flow, managing waste, and controlling permission for discharge of wastewater into the irrigation system. The shortcomings in WEM in the irrigation system are causing the current water pollution situation and the trend is increasing. WEM in irrigation systems requires the participation of the whole political system, and the Agriculture and Rural Development sector should consider this a priority because unresolved water pollution will affect the sustainable agricultural development goals, affecting people and economic sectors.

**Keywords:** Management, Water environment, Irrigation system

## 1. MỞ ĐẦU

Cả nước đã có hàng ngàn hệ thống thủy lợi (HTTL), trong đó, có 904 hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu từ 200 ha trở lên. Nhiều hệ thống thủy lợi lớn, diện tích tưới tiêu hàng trăm ngàn ha và cung cấp nước tưới cho nhiều tỉnh. Hệ thống thủy lợi đã góp phần quan trọng để tăng diện tích canh tác, tăng thời vụ, cải tạo đất,

phòng chống hạn, xâm nhập mặn, úng ngập, góp phần quan trọng trong phòng chống thiên tai, phòng chống lũ, cung cấp nước sinh hoạt. Hầu hết các hệ thống thủy lợi đã được xây dựng từ lâu và chỉ được thiết kế với mục đích tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp (SXNN). Tuy nhiên, do quá trình đô thị hóa, đến nay hệ thống thủy lợi còn là nơi tiếp nhận các nguồn

---

Ngày nhận bài: 20/8/2018  
Ngày thông qua phản biện: 01/9/2018

Ngày duyệt đăng: 12/11/2018

thải từ các khu công nghiệp, làng nghề, dân sinh... Nhiều hệ thống thủy lợi bị ô nhiễm với mức độ ngày càng gia tăng, nhiều nơi đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế. Mặc dù vậy, công tác quản lý môi trường nước (QLMTN) trong HTTL vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Trong phạm vi nghiên cứu của nhiệm vụ môi trường “*Xây dựng tài liệu hướng dẫn quản lý môi trường nước trong hệ thống thủy lợi*”, trên cơ sở khảo sát tại 13 HTTL đại diện cho 3 vùng Bắc, Trung, Nam, nhóm nghiên cứu đã đánh giá thực trạng và tồn tại trong công tác QLMTN trong HTTL. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở đề xuất nâng cao năng lực kiểm soát ô nhiễm nước và thực thi các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước trong HTTL.

## **2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Nội dung nghiên cứu**

*a) Thu thập tài liệu, đánh giá tổng quan về quản lý môi trường nước trong HTTL:*

- Thu thập các văn bản qui định về QLMTN trong HTTL,
- Thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng QLMTN trong HTTL như: hiện trạng công tác giám sát chất lượng nước, công tác quản lý nguồn thải, các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để giảm thiểu ô nhiễm nước.
- Thu thập tài liệu về tổ chức QLMTN trong HTTL từ cấp Trung ương đến địa phương
- Tổng hợp các nguồn tài liệu để đánh giá hiện trạng công tác QLMTN trong HTTL

*b) Khảo sát hiện trạng QLMTN trong HTTL*

- Địa điểm khảo sát: 13 HTTL đại diện cho các vùng Bắc, Trung, Nam gồm: HTTL Cẩm Sơn – Cầu Sơn (Bắc Giang), Sông Cầu (Bắc Giang), Bắc Đổng (Bắc Ninh), Sông Nhuệ (Hà Nội, Hà Nam), Nam Thái Bình (Thái Bình), Sông Chu (Thanh Hóa), Sông Nghèn (Nghệ An); Đồng Cam (Phú Yên); Hóc Môn -

Bắc Bình Chánh (TP. Hồ Chí Minh), Gò Công (Tiền Giang), Dầu Tiếng (Tây Ninh, Bình Dương) và Ô Môn – Xà No (Kiên Giang, Cần Thơ)

- Nội dung khảo sát thực địa: Thu thập tài liệu, quan sát thực tế, ghi chép, chụp ảnh, đánh giá bằng trực quan các hoạt động QLMTN trong HTTL

- Phỏng vấn các cơ quan chuyên môn về tổ chức quản lý, các biện pháp đã áp dụng trong quản lý chất lượng nước trong HTTL.

- Đánh giá những khó khăn, tồn tại và kiến nghị của địa phương về các biện pháp quản lý chất lượng nước trong HTTL

*c) Công tác nội nghiệp*

Tổng hợp xử lý tài liệu thu thập, kết quả khảo sát để đánh giá hiện trạng QLMTN trong HTTL

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

*a) Phương pháp thu thập thông tin:*

- Thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng QLMTN trong HTTL bằng phương pháp lập các biểu mẫu điều tra với các nội dung chính như hiện trạng công tác giám sát chất lượng nước, công tác quản lý nguồn thải, các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để giảm thiểu ô nhiễm nước gửi đến các cơ quan quản lý và các đơn vị khai thác CTTL để được cung cấp thông tin
- Tham khảo, kế thừa các tài liệu, các kết quả nghiên cứu liên quan đến QLMTN trong HTTL từ Tổng cục Thủy lợi, đơn vị khai thác CTTL, các Viện nghiên cứu, tài liệu đã công bố trên sách báo, tạp chí chuyên ngành..

*b) Phương pháp lựa chọn địa điểm nghiên cứu*

- Lựa chọn các HTTL đại diện cho 3 vùng: Bắc, Trung, Nam và phân bố đều trên khắp cả nước.
- Lựa chọn các HTTL liên tỉnh thuộc Bộ quản lý (Cẩm Sơn – Cầu Sơn, sông Cầu, Bắc Đổng, Sông Nhuệ, Dầu Tiếng, Ô Môn – Xà No) và các HTTL thuộc tỉnh quản lý (Nam Thái Bình, sông Chu, sông Nghèn, Đồng Cam, Gò Công, Hóc

Môn – Bắc Bình Chánh).

*c) Phương pháp khảo sát thực địa:*

Tổ chức nhóm khảo sát thực địa bao gồm các chuyên gia môi trường, tài nguyên nước và các cán bộ hỗ trợ khảo sát thực địa tại 13 hệ thống thủy lợi đã lựa chọn về tình ô nhiễm nước, hiện trạng công tác giám sát CLN, công tác quản lý nguồn thải, cấp phép xả thải...

Kết hợp quan sát thực địa, ghi lại hình ảnh, phỏng vấn lãnh đạo và cán bộ chuyên trách thuộc sở Nông nghiệp và PTNT; Công ty TNHH MTV khai thác CTTL; Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi cấp huyện nhằm cập nhật, bổ sung, chính xác hóa thông tin, dữ liệu về QLMTN trong HTTL đã thu thập được qua bước điều tra trên.

*c) Phương pháp phân tích tổng hợp:*

Trên cơ sở tổng hợp các tài liệu thu thập, kết quả khảo sát thực địa, tiến hành phân tích, đánh giá hiện trạng, những vấn đề vướng mắc cần được giải quyết. Từ đó rút ra nguyên nhân của những tồn tại trong công tác quản lý môi trường nước trong HTTL.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Tình hình chung về quản lý môi trường

#### nước trong HTTL

Quản lý môi trường nước trong HTTL là tổng hợp các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ môi trường nước trong công trình thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững, dân sinh và các ngành kinh tế khác. Dưới đây là tình hình chung về quản lý môi trường nước trong HTTL ở nước ta:

##### 3.1.1. Các qui định về quản lý môi trường nước trong HTTL

Các nội dung về quản lý môi trường nước được đề cập đến rất nhiều trong các văn bản như: Luật bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước, các tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật. Bên cạnh đó, Chính phủ và các Bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản dưới luật liên quan đến quản lý Môi trường nước. Các văn bản cũng thường xuyên được sửa đổi, cập nhật cho phù hợp tình hình thực tế và yêu cầu về Bảo vệ môi trường nước. Tuy nhiên, các văn bản nêu trên áp dụng cho công tác Quản lý Môi trường nước trong CTTL gặp nhiều khó khăn do đối tượng phục vụ của CTTL là SXNN và môi trường nước trong CTTL còn phụ thuộc vào qui trình vận hành, điều tiết tưới tiêu... Một số qui định về QLMTN trong HTTL như sau:

**Bảng 1: Hiện trạng các văn bản liên quan đến quản lý môi trường nước trong HTTL**

TT	Tên Văn bản, số hiệu	Nội dung qui định liên quan đến QLMTN trong HTTL
1	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14	Khoản 2 điều 8; Điểm c khoản 1, điều 20; Điểm b khoản 1 điều 25; Khoản 4 điều 25; Điều 46; Khoản 7 điều 53; Khoản 5 điều 55.
2	Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018	Qui định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi, chương 4 có các qui định cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi.
		ật xả nước thải vào công trình thủy lợi.
4	Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017	Qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, khai thác và bảo vệ CTTL, đê điều.
5	Các qui chuẩn, tiêu chuẩn	QCVN 08:2015- BTNMT; QCVN 40:2011/BTNMT;

TT	Tên Văn bản, số hiệu	Nội dung qui định liên quan đến QLMTN trong HTTL
	Việt Nam về chất lượng nước mặt và chất lượng nước thải	QCTĐHN 02:2014/BTNMT; QCVN 14:2008/BTNMT; QCVN 62-MT:2016/BTNMT; QCVN 01-MT:2015/BTNMT; QCVN 11-MT:2015/BTNMT; QCVN 12-MT:2015/BTNMT; QCVN 13-MT:2015/BTNMT; QCVN 52:2013/BTNMT; QCVN 28:2010/BTNMT; QCVN 25:2009/BTNMT; QCVN 60-MT:2015/BTNMT.

### 3.1.2. Hệ thống Tổ chức quản lý Môi trường nước trong HTTL

#### a) Cấp Trung ương

Nhiệm vụ Quản lý Môi trường nước trong hệ thống thủy lợi do Tổng cục Thủy lợi thực hiện theo chức năng đã được qui định về công tác phòng, chống tác hại do nước gây ra. Tổng cục Thủy lợi có 03 đơn vị liên quan đến quản lý môi trường nước trong HTTL gồm:

- Vụ Nguồn nước và nước sạch nông thôn: Tham mưu về công tác quy hoạch, điều tra cơ bản thủy lợi, quản lý nguồn nước và nước sạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục.

- Cục Quản lý công trình thủy lợi: Phụ trách các chương trình giám sát chất lượng nước và thẩm định hồ sơ cấp phép xả nước thải vào CTTL đặc biệt quan trọng và CTTL thuộc địa bàn 2 tỉnh trở lên.

- Vụ thanh tra –Pháp chế: Thanh tra, kiểm tra các vi phạm về xả nước thải và cấp phép xả thải vào CTTL.

#### b) Cấp tỉnh:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho tỉnh về hồ sơ cấp phép xả nước thải vào CTTL thuộc tỉnh quản lý. Tuy nhiên, Sở Nông nghiệp và PTNT ở các tỉnh đều chưa có bộ phận chuyên trách về quản lý môi trường nước trong CTTL. Ở một số tỉnh, việc tham mưu cho tỉnh về hồ sơ cấp phép xả nước thải vào CTTL thuộc sở Tài Nguyên và Môi trường như tỉnh Hưng Yên, Hải Dương (từ năm 2015 trở lại đây), Bà Rịa – Vũng Tàu...

- Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi cấp

tỉnh thường trực thuộc UBND tỉnh và hầu hết các đơn vị này chưa có cán bộ chuyên trách về quản lý môi trường nước trong CTTL.

#### c) Cấp huyện:

- Các xí nghiệp khai thác CTTL thực hiện thống kê nguồn thải theo yêu cầu của Công ty Khai thác CTTL cấp tỉnh và chưa có cán bộ chuyên trách cũng như chưa được giao nhiệm vụ kiểm soát các nguồn thải xả vào CTTL

- Phòng nông nghiệp hoặc phòng kinh tế trực thuộc huyện thường chỉ có 01 cán bộ thủy lợi phụ trách công tác tưới tiêu và chưa có chức năng về quản lý môi trường nước trong CTTL.

#### c) Cấp xã:

Cấp xã có 01 cán bộ kiêm nhiệm 03 lĩnh vực: môi trường, địa chính và thủy lợi. Cấp xã cũng chưa triển khai các hoạt động Quản lý Môi trường nước trong CTTL

Như vậy, công tác Tổ chức QLMTN trong HTTL từ cấp Trung ương đến cấp địa phương đều chưa được hình thành theo hướng chuyên môn hóa. Từ Tổng cục thủy lợi đến Chi cục thủy lợi, Công ty khai thác CTTL cấp tỉnh, huyện đều chưa có đơn vị chuyên trách về quản lý môi trường nước trong HTTL. Những tồn tại trên đây cũng một phần do những chồng chéo về trách nhiệm thực hiện giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý môi trường nước theo lưu vực sông và quản lý môi trường nước trong HTTL.

### 3.1.3. Một số hoạt động Quản lý Môi trường nước trong HTTL

#### a) Quan trắc, dự báo chất lượng nước trong

*HTTL*

i) Cấp trung ương: Từ 2005, Tổng cục Thủy lợi đã triển khai giám sát chất lượng nước tại 12 HTTL thuộc Bộ quản lý. Tần suất giám sát từ 3-5 lần/năm và chủ yếu tập trung vào các tháng 2 - 5 trong vụ xuân và tháng 7-9 trong vụ mùa. Thời gian vụ đông tháng 10 đến tháng 1 năm sau chưa được thực hiện. Các vị trí giám sát chủ yếu trên các sông trục chính. Kinh phí giám sát chỉ từ 200 – 300 triệu đồng/năm/1 HTTL

Từ năm 2015, công tác giám sát, dự báo chất lượng được triển khai trên 15 HTTL thuộc Bộ quản lý. Tần suất giám sát tăng lên 10-12 lần/năm tập trung vào mùa khô từ tháng 1-6 hàng năm. Công tác dự báo chất lượng nước tại các HTTL này cũng đã được triển khai để phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. Kết quả quan trắc được thông tin lên trang web của TCTL và gửi đến các đơn vị khai thác CTTL

ii) Cấp địa phương: Theo khảo sát trên 15 công trình thủy lợi đại diện cho 3 vùng Bắc, Trung, Nam, hiện mới chỉ có 2 đơn vị thực hiện quan trắc chất lượng nước trong CTTL gồm:

- Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL An Hải quan trắc chất lượng nước trong HTTL An Kim Hải (Hải Phòng) tại 2 vị trí cấp nước thô cho các nhà máy cấp nước sinh hoạt, 2 vị trí kiểm tra nguồn cấp cho HTTL An Kim Hải và một số vị trí kiểm tra chất lượng nước ở các kênh tiêu. Tần suất quan trắc đối với cấp nước thô cho nhà máy nước sinh hoạt quan trắc 3 lần/tuần. Các vị trí còn lại quan trắc 4 đợt/năm. Kinh phí thực hiện quan trắc 350-400 triệu đồng/năm từ nguồn thu phí bán nước thô cho các nhà máy cấp nước sinh hoạt.

- Chi cục Thủy lợi Hải Dương thực hiện quan trắc chất lượng nước trên kênh mương thủy lợi từ năm 2011 với 14 vị trí quan trắc chủ yếu trên kênh cấp 2, 3. Tần suất quan trắc 2 lần/năm vào tháng 3 và tháng 12. Số lượng chỉ tiêu quan trắc 4-6 chỉ tiêu. Sau mỗi đợt quan trắc Chi cục Thủy lợi Hải Dương đều có văn bản cảnh báo chất lượng nước phục vụ SXNN và dân sinh

kinh tế gửi đến các cơ quan liên quan. Kinh phí thực hiện quan trắc 150 triệu đồng/năm từ nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường tỉnh Hải Dương.

b) *Quản lý nguồn thải và cấp phép xả nước thải vào HTTL*

Hiện có 02 ngành cùng thực hiện cấp phép xả nước thải vào HTTL gồm:

- Ngành Tài nguyên và môi trường và Môi trường: Theo Luật tài nguyên nước và Nghị định 38/2015/NĐ-CP, ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện cấp phép xả nước thải vào nguồn nước nói chung, bao gồm cả công trình thủy lợi.

- Ngành Nông nghiệp và PTNT: Theo Pháp lệnh về Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 4/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và quyết định số 56/2004/QĐ-BNN, cấp phép xả nước thải vào CTTL thuộc trách nhiệm của ngành Nông nghiệp và PTNT,

Qui định về thủ tục cấp phép xả thải ở mỗi ngành khác nhau dẫn đến những khó khăn cho các doanh nghiệp và sự chồng chéo trong cấp phép xả nước thải gây khó khăn cho các địa phương trong tổ chức thực hiện

### **3.2. Kết quả điều tra hiện trạng quản lý môi trường nước tại 13 HTTL**

#### *3.2.1. Tổ chức quản lý môi trường nước trong HTTL*

Tại 13 công trình thủy lợi được khảo sát, các Công ty khai thác CTTL đều có Phòng quản lý nước và công trình với nhiệm vụ chính là giám sát, kiểm tra, bảo dưỡng các công trình thủy lợi và kiêm nhiệm công tác kiểm tra, thông kê các

cao nhận thức người dân về bảo vệ công trình thủy lợi.

Trừ HTTL Dầu tiếng, 12/13 HTTL đều chưa có cán bộ chuyên trách về quản lý môi trường



nước. Các công việc thống kê nguồn thải, phát hiện các vi phạm về xả thải đều do cán bộ quản lý tưới tiêu thực hiện. Các cán bộ này không có chuyên môn về môi trường, không được đào tạo, tập huấn về các kỹ năng kiểm soát chất lượng nước, kiểm soát nguồn thải và không được trang bị các thiết bị đo đạc, quan trắc hiện trường.

Các Công ty Khai thác công trình thủy lợi không có thẩm quyền để xử phạt các hành vi vi phạm về xả thải vào HTTL. Những hạn chế về nguồn lực, trang thiết bị, quyền hạn là nguyên nhân quan trọng dẫn đến những hạn chế về quản lý môi trường nước trong HTTL.

### 3.2.2. Công tác kiểm soát chất lượng nước trong HTTL

Kiểm soát môi trường nước trong HTTL là tổng hợp các hoạt động, hành động biện pháp và công cụ nhằm phòng ngừa, khống chế không cho sự ô nhiễm xảy ra, hoặc khi có sự ô nhiễm xảy ra thì có thể chủ động xử lý, làm giảm thiểu hay loại trừ (Cục Môi trường, 2000). Kết quả khảo sát tại 13 HTTL như sau:

#### a) Hoạt động quan trắc và dự báo chất lượng nước trong HTTL

Mới chỉ có 6/13 HTTL thuộc Bộ quản lý đã thực hiện quan trắc và dự báo chất lượng nước từ nguồn vốn và chương trình quan trắc của Tổng cục Thủy lợi gồm: HTTL sông Nhuệ, Bắc Đuống, Cẩm Sơn – Cầu Sơn, sông Cầu Dầu Tiếng và Ô Môn – Xà No.

Còn lại 7/13 HTTL do tỉnh quản lý (HTTL sông Chu, Bắc Nghệ An, sông Nghèn, Đồng Cam, Gò Công, Hóc Môn – Bắc Bình Chánh) đều chưa được thực hiện quan trắc chất lượng nước do không có trang thiết bị và nguồn kinh phí. Công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng nước HTTL chủ yếu bằng cảm quan và không được thực hiện thường xuyên.

#### b) Điều tiết tưới tiêu để giảm thiểu ô nhiễm nước

Do tình hình ô nhiễm nước trong HTTL ngày

càng gia tăng, các đơn vị khai thác CTTL ở cả 13 HTTL đã chú ý đến việc tận dụng tối đa thời gian mở cống lấy nước đầu nguồn để tranh thủ lấy nước ở cả những thời điểm không có nhu cầu lấy nước tưới và tranh thủ mở cống tiêu cuối nguồn để thau rửa kênh, mương, đặc biệt vào những thời điểm xả nước thượng nguồn hoặc thời điểm trời mưa.

Đơn vị khai thác CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh đã thực hiện đóng các cống xả thải vào các thời điểm cấp nước tưới cho SXNN hoặc các khu NTTS. Việc điều tiết tưới tiêu có tác dụng giảm thiểu ô nhiễm nước ở những thời điểm nhất định. Tuy nhiên, công tác điều hành hệ thống còn phụ thuộc vào lưu lượng của nguồn cấp nước và khả năng thoát nước. Đối với các hệ thống thủy lợi ở hạ lưu đồng bằng sông Hồng và tưới tiêu kết hợp như Bắc Đuống, Nam Thái Bình sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

#### c) Nâng cấp, xây mới các công trình tưới tiêu để cải thiện dòng chảy môi trường

Các HTTL được khảo sát đều đã có qui hoạch thủy lợi được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, xây mới công trình tưới tiêu nhưng chưa có công trình nào đề xuất các công trình được ưu tiên thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm nước. Trong tính toán thiết kế công trình tưới mới chỉ tính đến nhu cầu cấp nước tưới cho sản xuất và các ngành kinh tế mà chưa tính đến lượng nước để cải thiện dòng chảy môi trường. Theo kinh nghiệm của một số nước, lượng nước này chiếm đến 30% nhu cầu sử dụng nước trong toàn vùng.

### 3.2.2. Công tác kiểm soát nguồn thải xả vào công trình thủy lợi

#### a) Thống kê nguồn thải

Công tác thống kê nguồn thải được thực hiện thường xuyên ở 5/13 HTTL như: sông Nhuệ, Bắc Nghệ An, sông Nghèn, Bắc Đuống, Dầu Tiếng. Tại các HTTL này, các tuyến kênh thường xuyên có công nhân tuần kênh đi kiểm

tra công trình kênh mương đồng thời kiểm tra, thống kê các nguồn xả thải xả vào HTTL bao gồm cả các hộ gia đình.

Các đơn vị KTCTTL còn lại chỉ thống kê các nguồn thải quy mô lớn từ KCN và trang trại chăn nuôi. Tuy nhiên, tất cả các đơn vị khai thác CTTL đều chưa thống kê được lưu lượng và chất lượng của các nguồn thải nên không đánh giá được mức độ gây ô nhiễm và phân loại các nguồn thải thuộc đối tượng phải cấp phép dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý, xác định vi phạm để xử phạt.

#### *b) Vớt bèo, rác thải trên kênh, mương*

Vớt bèo, rác thải trên kênh đã được thực hiện thường xuyên ở cả 13 HTTL được khảo sát. Các đơn vị khai thác CTTL phân công cho mỗi công nhân phụ trách 1 tuyến kênh thực hiện việc kiểm tra, vớt bèo, rác thải hàng ngày. Định kỳ trước mỗi vụ sản xuất, các công ty đều giao cho công nhân dọn dẹp cỏ rác, phế thải, vớt bèo trên kênh, chặt cây phát quang bờ mái kênh. Các đơn vị khai thác CTTL đều phản ánh khó khăn trong việc vớt bèo rác là không được sự phối hợp, hỗ trợ của chính quyền địa phương. Rác thải vớt từ kênh mương không có phương tiện vận chuyển, không có nơi xử lý, chính quyền địa phương cho rằng rác thải từ các xã khác trôi về. Một số địa phương đã có những giải pháp tích cực như:

- Đối với HTTL Bắc Nghệ An, trong nhiều năm nay, tỉnh ủy Nghệ An đã chỉ thị lấy ngày 10/11 hàng năm là ngày “Toàn dân ra quân làm thủy lợi”. Theo đó, các đơn vị khai thác CTTL, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và người dân ra quân nạo vét kênh mương, sửa chữa những đoạn hư hỏng, phát quang bờ, thu dọn phế thải. Hoạt động này không chỉ tiết kiệm chi phí sửa chữa công trình mà còn có tác dụng cải thiện môi trường nước.

- Đối với HTTL sông Chu, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có chỉ đạo chính quyền địa phương cấp xã phải chịu trách nhiệm vớt rác thải từ kênh, mương. Giải pháp này giảm được gánh nặng cho các đơn vị khai thác CTTL trong việc vận chuyển và xử lý rác thải nhưng lại gặp những bất cập trong việc phối hợp giữa điều hành tưới tiêu với công việc vớt rác. Vào những thời điểm cần phải vớt rác để vận hành tưới, tiêu chính quyền địa phương lại không thực hiện được...

- Đối với HTTL Cẩm Sơn – Cầu Sơn và HTTL sông Cầu, UBND tỉnh Bắc Giang đã phân định rõ việc vớt rác từ kênh, mương thuộc trách nhiệm của đơn vị khai thác CTTL và việc vận chuyển, xử lý rác thuộc chính quyền địa phương. Giải pháp của tỉnh Bắc Giang được đánh giá là phù hợp năng lực và chức năng của mỗi đơn vị. Tuy nhiên, cần phải có cơ chế phối hợp giữa đơn vị khai thác CTTL với chính quyền địa phương và nguồn kinh phí để thực hiện.

#### *c) Hiện trạng cấp phép xả nước thải vào HTTL*

##### *i) Đơn vị thực hiện cấp phép xả nước thải vào HTTL*

- Các HTTL liên tỉnh gồm: Cẩm Sơn - Cầu Sơn, sông Cầu, Bắc Đuống, sông Nhuệ, Ô Môn – Xà No, Dầu Tiếng do Tổng cục Thủy lợi phép xả thải đối với các nguồn thải có lưu lượng >1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Các nguồn thải còn lại do UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ, khôi phục và thu hồi giấy phép xả nước thải.

- Các HTTL Nam Thái Bình, sông Chu, Bắc Nghệ An, sông Nghèn, Đồng Cam, Gò Công, Bắc Bình Chánh do UBND tỉnh cấp phép xả nước thải và Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép xả nước thải vào HTTL

##### *b) Kết quả cấp phép xả thải vào HTTL*

**Bảng 2: Tình hình cấp phép xả nước thải vào 13 HTTL khảo sát**

TT	Tên hệ thống thủy lợi	Số cơ sở thuộc đối	Số cơ sở đã	Lưu lượng nước
----	-----------------------	--------------------	-------------	----------------

		tượng phái cấp phép xả nước thải	được cấp phép xả nước thải	thải đã được cấp phép m <sup>3</sup> /ngày
1	Cấm Sơn – Cầu Sơn	Chưa xác định	0	0
2	Sông Cầu	Chưa xác định	0	0
3	Sông Nhuệ	284	3	528
4	Nam Thái Bình	298	19	19.125
5	Bắc Đuống	Chưa xác định	67	Chưa xác định
6	Sông Chu	371	1	15.000
7	Bắc Nghệ An	Chưa xác định	0	0
8	Sông Nghèn	Chưa xác định	1	603
9	Đồng Cam	Chưa xác định	0	0
10	Gò Công	Chưa xác định	0	0
11	Ô Môn – Xà No	Chưa xác định	38	35.983
12	Hóc Môn – Bắc Bình Chánh	Chưa xác định	20	20.140
13	Dầu Tiếng	Chưa xác định	6	8.800
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>953</b>	<b>155</b>	<b>100.179</b>

*Nguồn: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường điều tra năm 2017*

*Theo thống kê ở bảng 2, tính đến 2017:*

- Mới chỉ có 3/13 HTTL thống kê được số cơ sở thuộc diện phải cấp phép xả nước thải là HTTL sông Nhuệ, sông Thái Bình và sông Chu nhưng đều chưa thống kê được lưu lượng xả thải

- Có 5/13 HTTL chưa thực hiện cấp phép xả nước thải gồm: Cấm Sơn – Cầu Sơn; sông Cầu, Bắc Nghệ An, Đồng Cam, Gò Công.

- Đã có 8/13 HTTL đã thực hiện cấp phép xả nước thải vào HTTL với 155 cơ sở được cấp phép và lưu lượng được cấp phép là 100.179 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Số liệu thống kê nêu trên là rất nhỏ so với thực tế. Đến nay hầu hết các đơn vị khai thác CTTL đều chưa thống kê được số cơ sở cũng như khối lượng nước thải thuộc diện phải cấp phép xả vào HTTL dẫn đến các hoạt động cấp phép xả nước thải hoàn toàn bị động. Chủ yếu là chờ các chủ nguồn thải nộp hồ sơ. Cơ quan quản lý chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục cấp phép dẫn đến khó khăn cho các chủ nguồn thải. Bên cạnh đó, nhiều qui định trong thủ tục cấp phép chưa phù hợp với thực tế là những nguyên

nhân dẫn đến những hạn chế trong cấp phép xả nước thải vào HTTL

*c) Công tác kiểm tra sau cấp phép xả nước thải vào HTTL*

Hoạt động kiểm tra sau khi cấp phép chỉ được thực hiện khi lập đoàn thanh tra liên ngành và dừng lại ở việc kiểm tra trên hồ sơ, kết quả báo cáo của chủ nguồn thải. Việc đánh giá về chất lượng nước thải và lưu lượng nước thải vào hệ thống CTTL còn chưa đầy đủ.

### **3.3. Đánh giá tồn tại về quản lý môi trường nước trong HTTL**

*a) Tồn tại về cơ chế chính sách*

- Hiện chưa có các văn bản qui định về chính sách sách hỗ trợ quản lý môi trường nước trong HTTL. Các đơn vị khai thác CTTL không có nguồn kinh phí để mua sắm trang thiết bị và thực hiện quan trắc, dự báo, cảnh báo chất lượng nước trong HTTL. Các hoạt động thu gom rác thải, xác động vật từ kênh mương vẫn phải thực hiện thường xuyên nhưng chưa có kinh phí và trang thiết bị cho các hoạt động này



- Chưa có cơ chế phối hợp giữa đơn vị khai thác CTTL với ngành tài nguyên và môi trường và chính quyền địa phương trong công tác kiểm soát nguồn thải và kiểm soát chất lượng nước trong HTTL.

- Thiếu các văn bản hướng dẫn, tiêu chuẩn, qui chuẩn về quản lý môi trường nước trong HTTL

#### b) Tồn tại về năng lực quản lý

- Hầu hết các đơn vị Khai thác CTTL đều chưa có cán bộ chuyên trách về môi trường, thiếu trang thiết bị và không có nguồn tài chính để thực hiện các nhiệm vụ QLMTN trong HTTL. Nguyên nhân của các vấn đề này là hệ lụy của từ việc phân công trách nhiệm và chòng chéo giữa 2 ngành Tài nguyên và Môi trường và ngành Nông nghiệp và PTNT trong quản lý nguồn thải và cấp phép xả thải vào HTTL.

- Cán bộ vận hành CTTL không được tập huấn, đào tạo kỹ năng về quản lý môi trường nước, thiếu các thiết bị, công cụ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra nguồn thải xả vào HTTL

#### c) Tồn tại về cơ sở hạ tầng

- Hầu hết các địa phương chưa có hệ thống xử lý chất thải dẫn đến kênh, mương công trình thủy lợi là nơi xả chất thải.

- Các HTTL đều được xây dựng chỉ với nhiệm vụ tưới tiêu phục vụ SXNN và NTTS. Tuy nhiên, đến nay các HTTL đều phải đảm nhiệm thêm chức năng tiêu nước thải cho các khu đô thị, khu dân cư tập trung và các cơ sở sản xuất. Các HTTL chưa có qui trình riêng về vận hành các công trình tiêu nước thải dẫn đến việc xả nước thải vào CTTL ngay cả những thời điểm lấy nước tưới hoặc thời kỳ hạn hán cũng làm gia tăng ô nhiễm nước.

#### d) Do hạn chế về nhận thức của cộng đồng và chủ nguồn thải

- Đa số doanh nghiệp và cộng đồng dân cư chưa nhận thức đầy đủ về trách nhiệm trong bảo vệ Môi trường nước trong CTTL. Các doanh nghiệp sẵn sàng nộp phạt thay vì phải xử lý

nước thải trước khi xả vào CTTL. Nhiều doanh nghiệp sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, không đủ điều kiện để xử lý nước thải. Tình trạng xả nước thải chưa xử lý và rác thải sinh hoạt, vật dụng, xác động vật vẫn diễn ra phổ biến không chỉ gây nên tình trạng ô nhiễm nước ngày càng gia tăng mà còn ảnh hưởng công tác vận hành CTTL, bồi lắng kênh mương...

- Các cấp chính quyền chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với công tác bảo vệ chất lượng nước trong HTTL, buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm.

### 3.4. Một số định hướng về quản lý môi trường nước trong HTTL

Để thực hiện bảo vệ chất lượng nước theo qui định của Luật Thủy lợi, một số định hướng về quản lý môi trường nước trong HTTL như sau:

- Cấp Trung ương: Hoàn thiện các văn bản qui phạm pháp luật theo hướng qui định cụ thể về phân giao trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa đơn vị khai thác CTTL với các ngành liên quan và chính quyền địa phương về quản lý môi trường nước trong HTTL

- Cấp Bộ: Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, qui chuẩn về quản lý nguồn thải, quản lý chất lượng nước trong HTTL để phổ biến áp dụng

- Cấp tỉnh: Hình thành đơn vị chuyên môn thực hiện chức năng quản lý môi trường nước trong HTTL. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra

cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng và chủ nguồn thải về bảo vệ chất lượng nước trong HTTL. Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các công trình tưới, tiêu để cải thiện dòng chảy môi trường.

- Đơn vị khai thác CTTL: Nâng cao năng lực triển khai các hoạt động kiểm soát chất lượng nước, kiểm soát nguồn thải xả vào HTTL

- Cảnh sát môi trường: tăng cường công tác

thanh tra, kiểm tra, xử phạt các hành vi vi phạm về xả nước thải vào HTTL

- Cấp huyện, xã: Tổ chức thu gom, xử lý chất thải để hạn chế xả chất thải chưa qua xử lý vào HTTL. Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị khai thác CTTL trong việc thu gom, xử lý chất thải trong CTTL.

- Chủ nguồn thải: Thực quản lý nguồn thải theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

- Cộng đồng dân cư: Giám sát các hoạt động quản lý môi trường nước và các hoạt động xả nước thải vào HTTL

#### 4. KẾT LUẬN

Kết quả thu thập đánh giá tổng quan và điều tra chi tiết tại 13 HTTL đại diện cho các vùng trong cả nước cho thấy tình trạng ô nhiễm nước trong

HTTL ngày càng gia tăng là do những yếu kém, tồn tại trong công tác quản lý môi trường nước trong HTTL. Để khắc phục tình trạng nêu trên, ngành Nông nghiệp và PTNT cần phải thực hiện đồng bộ các biện pháp từ hoàn thiện chính sách, nâng cao năng lực quản lý, cơ sở hạ tầng, nâng cao nhận thức của cộng đồng và chủ nguồn thải về trách nhiệm quản lý môi trường nước và những tác hại do ô nhiễm nước gây ra. Cần thiết phải triển khai các mô hình mẫu về QLMTN trong HTTL để phổ biến nhân rộng. Để quản lý môi trường nước trong HTTL đòi hỏi phải có sự tham gia của cả hệ thống chính trị và ngành Nông nghiệp và PTNT cần phải coi đây là nhiệm vụ ưu tiên bởi tình trạng ô nhiễm nước không được giải quyết sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, ảnh hưởng đến dân sinh và các ngành kinh tế.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật thủy lợi
- [2] Nghị định 67/2018/NĐ-CP qui định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi\
- [3] Nghị định 104/2017/NĐ-CP qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, khai thác và bảo vệ CTTL, đề điều.
- [4] Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng quản lý môi trường nước trong 13 HTTL, 2017
- [5] Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, Báo cáo kết quả thực hiện đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải”, 2018
- [6] Nguyễn Hoàng Ánh, Nguyễn Phan Thùy Linh, Trần Thế Loãn, Kiểm soát ô nhiễm nước ở Việt Nam – Cơ hội và thách thức, Tạp chí Môi trường, chuyên đề I, 2014
- [7] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo Môi trường Quốc gia, Chương 5, quản lý môi trường nước mặt, 2012